

Bản án số: 17/2018/HC-ST

Ngày: 30-11-2018

V/v: “Khiếu kiện quyết định hành
chính về xử phạt vi phạm hành chính
trong lĩnh vực bảo vệ môi trường”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Thị Thúy Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Ông Trần Văn Việt.

2/. Bà Nguyễn Xuân Hoàng.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Thúy Duy, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Ninh, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 22/2018/TLST-HC, ngày 14 tháng 8 năm 2018, về “Khiếu kiện quyết định hành chính về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2018/QĐXXST-HC ngày 07-11-2018, giữa các đương sự:

1. ***Người khởi kiện:*** Bà **Lê Thị Ánh N**, sinh năm 1975, địa chỉ: Khóm A, Phường B, thành phố S, tỉnh S (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp: Ông **Lý Bình Đ**, địa chỉ: Khóm C, Phường D, thành phố S, tỉnh S, là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện theo Giấy ủy quyền ngày 20-6-2018 (có mặt).

2. ***Người bị kiện:*** **Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố S**, địa chỉ: Phường E, thành phố S, tỉnh S.

Người đại diện hợp pháp: Ông **Trần Hoàng H**, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố S, là người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện theo Giấy ủy quyền số 1514/UQ-UBND ngày 21-9-2018 (vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông **Đỗ Xuân N1**-
Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố S (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22-6-2018 của người khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của người khởi kiện bà Lê Thị Ánh N trình bày:

Ngày 15-5-2018, Đoàn kiểm tra của Công an thành phố S tiến hành kiểm tra đột xuất việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường và an toàn thực phẩm đối với Hộ kinh doanh cơ sở gia công hạt vệt muối Ánh N của bà Lê Thị Ánh N tại địa chỉ Khóm A, Phường B, thành phố S, tỉnh S.

Ngày 04-6-2018, bà Lê Thị Ánh N nhận được thông báo về việc kết luận kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và an toàn thực phẩm với nội dung kết luận: Nhắc nhở, cho cơ sở khắc phục, không xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm: Không thực hiện khám sức khỏe định kỳ cho đối tượng thuộc diện phải khám sức khỏe 2/8 người; sử dụng người thuộc diện phải tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm 3/8 người.

Ngày 06-6-2018, Đoàn liên ngành lập biên bản vi phạm hành chính và thông báo mức phạt tiền là 60.000.000 đồng. Do nhận thấy số tiền phạt quá lớn nên ngày 07-6-2018, bà N có làm đơn giải trình về hành vi nêu trên tại biên bản ngày 06-6-2018, với nội dung cụ thể như sau:

Ngày 24-9-2014, bà N được Ủy ban nhân dân (sau đây được gọi tắt là UBND) thành phố S cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh cơ sở gia công hạt vệt muối Ánh N số 59A8011342, địa chỉ Khóm A, Phường B, thành phố S, tỉnh S.

Trong quá trình kinh doanh, bà N đã chấp hành đầy đủ các thủ tục theo quy định về đăng ký, hoạt động kinh doanh, cam kết bảo vệ môi trường theo Thông báo số 329/TB.CTUBND ngày 26-8-2013.

Về chất thải rắn: Rác thải sinh hoạt và rác thải phát sinh trong hoạt động sản xuất đã hợp đồng với Công ty TNHH MTV Công trình đô thị S thu gom sạch sẽ, không bị ô nhiễm, đảm bảo cảnh quang môi trường sạch.

Về nước thải sau khi đã xử lý phát sinh khoảng 4m³/24 giờ. Nước thải sau khi thu gom vào 4 hồ lắng, sau khi kiểm tra thông thường nhận thấy nước trong, sạch sau đó thải ra kênh xáng.

Khi đoàn tiến hành kiểm tra chủ cơ sở chấp hành tốt. Việc các mẫu xét nghiệm vượt thông số quy chuẩn kỹ thuật về chất thải là hoàn toàn vô ý, thiếu hiểu biết. Bản thân bà N đã có hành vi ngăn chặn, làm giảm bớt hậu quả của vi phạm, tự nguyện khai báo, thành thật hối lỗi, tích cực giúp đỡ cơ quan chức năng phát hiện vi phạm hành chính.

Đồng thời, bà N cũng cam kết khắc phục triệt để tình trạng ô nhiễm môi trường, thuê đơn vị tư vấn thiết kế ao lắng kỹ thuật đảm bảo việc xử lý nước thải theo đúng quy chuẩn kỹ thuật về chất thải ra môi trường.

Mặt khác, bà N là chủ cơ sở kinh doanh nhỏ lẻ, mục đích tạo công ăn việc làm cho những người lao động nghèo khổ tại địa phương, thực hiện nghĩa vụ thuế đầy đủ đối với nhà nước, góp phần nhỏ bé vào chính sách an sinh xã hội tại cơ sở. Việc xả nước thải ra môi trường là do thiếu hiểu biết về thông số quy chuẩn kỹ thuật, vì cơ sở đã xử lý 4 ao lắng nên nghĩ rằng việc thải nước ra là để đảm bảo vệ sinh môi trường.

Về kết quả giám định bà N hoàn toàn không hiểu biết nên kết luận giám định của cơ quan chức năng thực sự chưa thuyết phục, không có căn cứ để làm cơ sở ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với bà N ở mức cao nhất như vậy. Bà N vi phạm lần đầu và đã có hành vi ngăn chặn, làm giảm bớt hậu quả của vi phạm, tự nguyện khắc phục hậu quả, gia đình bà N có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, là gia đình chính sách. Nhưng nội dung đơn xin giải trình của bà N không được xem xét giải quyết.

Ngày 12-6-2018, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố S ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 70/QĐ-XPVPHC đối với bà Lê Thị Ánh N có hành vi xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải vi phạm quy định tại điểm a, khoản 6 Điều 13 Nghị định 155/2016/NĐ-CP ngày 18-11-2016 của Chính phủ. Hình thức xử phạt chính là phạt tiền 60.000.000 đồng và buộc chi trả kinh phí trưng cầu giám định, phân tích mẫu môi trường số tiền là 1.456.400 đồng. Ngày 13-6-2018, Công an thành phố S mời bà Lê Thị Ánh N đến để giao quyết định trên.

Nay bà Lê Thị Ánh N yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy Quyết định số 70/QĐ-XPVPHC ngày 12-6-2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố S, về xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Lê Thị Ánh N.

Theo Văn bản số 1409/UBND-HC ngày 29-8-2018, người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố S trình bày:

Theo ý kiến của người khởi kiện, về nước thải sau khi đã xử lý phát sinh khoảng 04m³/ngày (24 giờ). Nước thải sau khi thu gom vào 04 hố lắng, sau khi kiểm tra thông thường nhận thấy nước trong, sạch sau đó thải ra kênh.

Tuy nhiên, vào thời điểm kiểm tra, phát hiện lượng nước thải phát sinh có màu trắng đục, đóng váng bọt, có mùi tanh thải ra kênh X có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường nên Đoàn kiểm tra thu 01 mẫu nước thải gửi phân tích đánh giá chất lượng. Việc cơ sở không thường xuyên cải tạo hệ thống xử lý nước thải phát sinh, không thuê cơ quan quan trắc tài nguyên và môi trường giám sát nước thải phát sinh theo quy chuẩn QCVN40:2011/BTNMT mà tự đánh giá chất lượng mẫu nước qua cảm quan một cách chủ quan dẫn đến thiếu chính xác.

Ý kiến của bà N về kết quả giám định là hoàn toàn không hiểu biết nên kết

luận giám định của cơ quan chức năng thực sự chưa thuyết phục, không có căn cứ để làm cơ sở ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với bà N ở mức cao nhất thì:

Theo điểm a khoản 2 Điều 7 Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18-11-2016 của Chính phủ, quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, quy định: “Cơ quan, người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính được sử dụng kết quả giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường làm căn cứ để xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường gồm: Tổ chức được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường theo quy định của pháp luật”. Trung tâm Quan trắc tài nguyên và Môi trường - Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường nên kết quả phân tích mẫu vật môi trường của Trung tâm Quan trắc tài nguyên và Môi trường - Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S được sử dụng làm căn cứ để xử phạt vi phạm hành chính.

Đối với hành vi: Xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 10 lần trở lên (thông số tổng Coliform (Coliforms) vượt 860 lần), trong trường hợp thải lượng nước thải nhỏ hơn 05m³/ngày (24 giờ). Vi phạm quy định tại điểm a khoản 6 Điều 13 Nghị định số 155, mức phạt tiền từ 30 triệu đồng đến 50 triệu đồng. Chủ tịch UBND thành phố S đã xem xét, ra quyết định xử phạt ở mức khởi điểm là 30 triệu đồng là mức thấp nhất của khung hình phạt.

Phạt tăng thêm 50% của mức phạt tiền cao nhất đã chọn đối với thông số nhu cầu oxy hóa học (COD) (vượt 123,788 lần) vượt quy chuẩn kỹ thuật từ 10 lần trở lên được quy định tại khoản 7 Điều 13 Nghị định số 155 (30 triệu đồng x 50%= 15 triệu đồng).

Phạt tăng thêm 50% của mức phạt tiền cao nhất đã chọn đối với thông số tổng chất rắn lơ lửng (TSS) (vượt 18,995 lần) vượt quy chuẩn kỹ thuật từ 10 lần trở lên được quy định tại khoản 7 Điều 13 Nghị định số 155 (30 triệu đồng x 50%= 15 triệu đồng).

Buộc chi trả kinh phí trưng cầu giám định, phân tích mẫu môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành, số tiền là 1.456.400 đồng được quy định tại điểm c khoản 9 Điều 13 Nghị định số 155.

Bà N có làm đơn giải trình ngày 11-6-2018 về việc xin miễn giảm xử phạt vi phạm hành chính lĩnh vực bảo vệ môi trường gửi đến Chủ tịch UBND thành phố S. Chủ tịch UBND thành phố S họp xét nội dung đơn giải trình của bà N không thuộc đối tượng xem xét miễn, giảm tiền xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 76 và Điều 77 Luật xử phạt vi phạm hành chính năm 2012. Đối với hành vi vi phạm của bà N đã xem xét mức tiền ở mức thấp nhất của khung phạt nên không còn xét giảm mức phạt nữa.

Hành vi xả nước thải có chứa thông số môi trường thông thường vượt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường của Cơ sở gia công hột vẹt muối Ánh N đã gây ô nhiễm môi trường trong khu vực, gây dư luận, bức xúc trong nhân dân. Nhằm đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, việc thực thi pháp luật và đảm bảo môi trường kinh doanh, tính công bằng xã hội nên cần phải xử phạt vi phạm hành chính đối với cơ sở trên là có căn cứ.

Việc nhắc nhở và đề nghị cơ sở thực hiện đúng quy định về môi trường đã được Đoàn kiểm tra vào ngày 23-6-2016 theo Quyết định số 159/QĐTC-CTUBND ngày 17-02-2018 của Chủ tịch UBND thành phố S về việc thành lập đoàn kiểm tra công tác bảo vệ môi trường tại các Công ty, Doanh nghiệp, Cơ sở hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn thành phố S. Cũng đã kiểm tra tại Cơ sở gia công hột vẹt muối Ánh N, qua đó đoàn có nhắc nhở và đề nghị cơ sở thực hiện đúng nội dung bản cam kết bảo vệ môi trường đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận; thu gom, quản lý, xử lý tất cả các loại chất thải phát sinh đạt quy chuẩn theo quy định trước khi thải ra môi trường, cơ sở đồng ý với như kiến đã ghi trong biên bản.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của người khởi kiện vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện; các đương sự không thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án. Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến nhận xét Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện bà Lê Thị Ánh N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố S vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 157, khoản 1, 3 Điều 158 của Luật tố tụng hành chính năm 2015, quyết định xét xử vắng mặt người đại diện hợp pháp của người bị kiện.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật tố tụng hành chính năm 2015 thì thời hiệu khởi kiện là 01 (một) năm kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định hành chính, hành vi hành chính.

[3] Ngày 12-6-2018, Chủ tịch UBND thành phố S ban hành Quyết định số 70/QĐ-XPVPHC, về xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Lê Thị Ánh N. Ngày 13-6-2018, bà N nhận được Quyết định số 70/QĐ-XPVPHC ngày 12-6-2018 (sau đây được gọi tắt là Quyết định số 70), theo Biên bản số 14/BB-ĐKT ngày 13-6-

2018 của Đoàn kiểm tra (bút lục số 83). Ngày 22-6-2018, bà N nộp đơn khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 70 là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định nêu trên.

[4] Bà Lê Thị Ánh N khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét hủy Quyết định số 70/QĐ-XPVPHC ngày 12-6-2018 của Chủ tịch UBND thành phố S, về xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Lê Thị Ánh N. Bà N cho rằng việc xả nước thải ra môi trường là do bà thiếu hiểu biết về thông số kỹ thuật, vì cơ sở đã xử lý 04 ao lắng nên bà nghĩ việc thải nước ra đã đảm bảo vệ sinh môi trường; về kết quả giám định chưa thực sự thuyết phục, không có căn cứ để làm cơ sở ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với bà ở mức cao nhất. Đồng thời, bà N vi phạm lần đầu, có hành vi ngăn chặn, làm giảm bớt hậu quả của vi phạm, tự nguyện khắc phục hậu quả, gia đình bà có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, gia đình chính sách.

[5] Xét thấy: Ngày 24-9-2014, Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc UBND thành phố S cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 59A8011342 cho hộ kinh doanh: Cơ sở gia công hạt vệt muối Ánh N, có người đại diện cho hộ kinh doanh là bà Lê Thị Ánh N, địa điểm kinh doanh: Khóm A, Phường B, thành phố S, tỉnh S, ngành nghề kinh doanh: Gia công hạt vệt muối.

[6] Ngày 14-5-2018, Công an thành phố S ban hành Quyết định số 255/QĐ-CATP, kiểm tra đột xuất việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và an toàn thực phẩm để thành lập Đoàn kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và an toàn thực phẩm đối với hộ kinh doanh Cơ sở gia công hạt vệt muối Ánh N. Căn cứ theo Quyết định số 255 trên, ngày 14-5-2018 Đoàn kiểm tra lập Kế hoạch số 01/KH-ĐKT, kiểm tra đột xuất trên lĩnh vực bảo vệ môi trường và an toàn thực phẩm.

[7] Ngày 15-5-2018, Đoàn kiểm tra tiến hành kiểm tra đột xuất việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và an toàn thực phẩm đối với Cơ sở gia công hạt vệt muối Ánh N và tiến hành công bố Quyết định số 255/QĐ-CATP trên đối với bà N, lập Biên bản số 05/BBKT-ĐKT cùng ngày 15-5-2018 (bút lục số 51-52). Biên bản số 05/BBKT-ĐKT, có thể hiện việc kiểm tra nước thải của Cơ sở gia công hạt vệt muối Ánh N như sau: Tại thời điểm kiểm tra, chủ cơ sở (bà N) trình bày lượng nước thải phát sinh là khoảng $04m^3/ngày$ (24 giờ). Biện pháp xử lý: Cơ sở có xây dựng 04 hồ lắng để xử lý nước thải sau khi sản xuất, sau đó thải ra Kênh S. Tại thời điểm kiểm tra cơ sở hoạt động sản xuất bình thường, đoàn phát hiện nước thải ra môi trường (Kênh S) có màu trắng đục, đóng váng bọt, có mùi tanh, đoàn tiến hành thu một mẫu nước thải để phân tích (có biên bản lấy mẫu kèm theo). Tại buổi kiểm tra, bà N đồng ý theo nội dung biên bản, không có ý kiến gì khác và đồng ý ký tên vào Biên bản số 05/BBKT-ĐKT trên.

[8] Cùng ngày 15-5-2018, Đoàn kiểm tra, đại diện Trung tâm quan trắc Tài nguyên và Môi trường tỉnh S, cùng các cơ quan chức năng tiến hành lập Biên bản lấy mẫu số 180501/BBLM-TTQT (bút lục số 53), được bà N thống nhất ký vào Biên bản và có giao cho bà N giữ một bản.

[9] Sau đó, mẫu nước thải được đưa về Trung tâm quan trắc Tài nguyên và Môi trường tỉnh S để tiến hành phân tích mẫu (Biên bản giao, nhận mẫu vật môi trường số 03A/BB-ĐKT ngày 15-5-2018 của Đoàn kiểm tra, bút lục số 55). Theo Phiếu kết quả thử nghiệm ngày 21-5-2018 của Trung tâm quan trắc Tài nguyên và Môi trường tỉnh S (bút lục số 57), kết quả thử nghiệm mẫu nước thải như sau: Chỉ tiêu nhu cầu oxy hóa học (COD): 20.053,7mg/l; tổng chất rắn lơ lửng (TSS): 2.051,5mg/l; tổng Coliform (Coliforms): $4,3 \times 10^6$ MPN/100ml. Tổng chi phí giám định là 1.455.985 đồng (bút lục số 58).

[10] Theo Phiếu tính kết quả số 07/PTKQ-ĐKT ngày 23-5-2018 của Đoàn kiểm tra (bút lục số 62, thể hiện các thông số môi trường của mẫu vật so với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (QCVN 40:2011/BTNMT), như sau: Nhu cầu oxy hóa học (COD): vượt 123,788 lần; tổng chất rắn lơ lửng (TSS) vượt 18,995 lần; tổng Coliform (Coliforms) vượt 860 lần.

[11] Trung tâm quan trắc Tài nguyên và Môi trường tỉnh S là tổ chức được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường số Vimcerts 179 ngày 04-01-2018 (bút lục số 60). Quá trình thu thập mẫu nước thải và kết quả phân tích do Trung tâm quan trắc Tài nguyên và Môi trường tỉnh S cung cấp được thực hiện theo đúng quy định. Do đó, việc lấy kết quả phân tích này để tính các thông số môi trường của mẫu vật (nước thải) so với QCVN 40:2011/BTNMT và làm căn cứ để xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường là đúng theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 7 Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18-11-2016 của Chính phủ, quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

[12] Ngày 23-5-2018, Đoàn kiểm tra lập Báo cáo số 08/BC-ĐKT, về kết quả kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và an toàn thực phẩm đối với Cơ sở gia công hột vẹt muối Ánh N (bút lục số 63-64). Ngày 24-5-2018, Đoàn kiểm tra lập Biên bản số 09/BB-ĐKT, về việc họp Đoàn kiểm tra thống nhất hướng xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường và an toàn thực phẩm đối với Cơ sở gia công hột vẹt muối Ánh N (bút lục số 65-68), lập Báo cáo số 10/BC-ĐKT ngày 25-5-2018 (bút lục số 69-70) và Tờ trình số 11/TT-ĐKT ngày 28-5-2018 gửi đến Công an thành phố S (bút lục số 71-72).

[13] Sau khi xem xét Báo cáo số 10/BC-ĐKT ngày 25-5-2018 của Đoàn kiểm tra, ngày 04-6-2018 Công an thành phố S ban hành Kết luận kiểm tra số 354/KLKT-CATP.

[13] Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Lê Thị Ánh N cũng thừa nhận hành vi xả nước thải của Cơ sở ra môi trường (Kênh Sáng) và theo Phiếu tính kết quả số 07/PTKQ-ĐKT ngày 23-5-2018 của Đoàn kiểm tra, thì mẫu nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vượt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (QCVN 40:2011/BTNMT) được ban hành kèm theo Thông tư số 47/2011/TT-BTNMT ngày 28 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, cụ thể: Nhu cầu oxy hóa học (COD): vượt 123,788 lần; tổng chất rắn

lơ lửng (TSS) vượt 18,995 lần; tổng Coliform (Coliforms) vượt 860 lần, là vi phạm quy định tại điểm a khoản 6 Điều 13 Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18-11-2016 của Chính phủ.

[14] Theo đó, ngày 06-6-2018, Đoàn kiểm tra lập Biên bản vi phạm hành chính số 13/BB-VPHC, về lĩnh vực bảo vệ môi trường đối với bà Lê Thị Ánh N và có giao cho bà N một bản (bút lục số 76-77) là phù hợp với quy định tại Điều 58 của Luật xử lý vi phạm hành chính.

[15] Ngày 07-6-2018, Công an thành phố S lập Báo cáo đề xuất số 919/BC-CATP gửi đến Chủ tịch UBND thành phố S, đề nghị Chủ tịch UBND thành phố S ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Lê Thị Ánh N (bút lục số 74)

[26] Về trình tự, thủ tục ban hành Quyết định:

[27] Về chủ thể bị xử lý vi phạm hành chính: Cơ sở gia công hột vẹt muối Ánh N do bà Lê Thị Ánh N làm chủ hộ kinh doanh, có hành vi xả nước thải chứa các thông số thông thường ra môi trường vượt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (QCVN 40:2011/BTNMT), nên việc xử phạt vi phạm hành chính đối với bà N là đúng quy định tại Điều 5 của Luật xử lý vi phạm hành chính.

[28] Về hình thức xử phạt: Theo điểm a khoản 6 Điều 13 Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18-11-2016 của Chính phủ, quy định vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường như sau: “Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 10 lần trở lên bị xử phạt như sau:

a) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng trong trường hợp thải lượng nước thải nhỏ hơn 05 m³/ngày (24 giờ)”.

Tại khoản 7 và khoản 9 Điều 13 quy định: “7. Phạt tăng thêm 50% đối với mỗi thông số môi trường vượt quy chuẩn kỹ thuật từ 10 lần trở lên. Tổng mức phạt đối với mỗi hành vi vi phạm không quá 1.000.000.000 đồng...”

9. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra;

b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này;

c) Buộc chi trả kinh phí trưng cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này”.

[29] Vì vậy, về hình thức xử phạt chính: Đối với mức phạt đối với hành vi xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 10 lần trở lên (thông số tổng Coliform (Coliforms) vượt 860 lần), trong trường hợp thải lượng nước thải nhỏ hơn 05m³/ngày (24 giờ) của Cơ sở gia công hạt vệt muối Ánh N, theo Quyết định số 70 được tính ở mức khởi điểm là 30 triệu đồng (mức thấp nhất của khung hình phạt). Cộng với số tiền phạt tăng thêm 50% của mức phạt tiền cao nhất đã chọn đối với thông số nhu cầu oxy hóa học (COD) (vượt 123,788 lần) vượt quy chuẩn kỹ thuật từ 10 lần trở lên là 30 triệu đồng x 50% = 15 triệu đồng. Cộng với số tiền phạt tăng thêm 50% của mức phạt tiền cao nhất đã chọn đối với thông số tổng chất rắn lơ lửng (TSS) (vượt 18,995 lần) vượt quy chuẩn kỹ thuật từ 10 lần trở lên là 30 triệu đồng x 50% = 15 triệu đồng. Tổng hợp mức phạt tiền là 60.000.000 đồng.

[30] Trước khi ban hành Quyết định số 70, bà N có làm đơn giải trình ngày 11-6-2018 về việc xin miễn, giảm tiền xử phạt vi phạm hành chính lĩnh vực bảo vệ môi trường gửi đến Chủ tịch UBND thành phố S. Tuy nhiên, bà N không thuộc trường hợp được xem xét miễn, giảm tiền xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 77 của Luật xử phạt vi phạm hành chính. Cho nên, mức phạt tiền 60.000.000 đồng đối với chủ Cơ sở (bà N) là phù hợp và đúng quy định.

[31] Về biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc chủ Cơ sở phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày nhận quyết định xử phạt vi phạm hành chính). Đồng thời, buộc chi trả kinh phí trưng cầu giám định, phân tích mẫu môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành với số tiền là 1.456.400 đồng là phù hợp với các quy định nêu trên.

[32] Về thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính: Ngày 06-6-2018, Đoàn kiểm tra lập Biên bản vi phạm hành chính số 13/BB-VPHC, về lĩnh vực bảo vệ môi trường đối với bà Lê Thị Ánh N. Đến ngày 12-6-2018, Chủ tịch UBND thành phố S ban hành Quyết định số 70/QĐ-XPVPHC, về xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Lê Thị Ánh N là còn trong thời hạn ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 66 của Luật xử lý vi phạm hành chính.

[31] Về thẩm quyền ban hành quyết định: Theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 38 của Luật xử lý vi phạm hành chính, khoản 2 và khoản 3 Điều 48 Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18-11-2016 của Chính phủ, quy định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp như sau:

“2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng Giấy phép môi trường có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn thuộc thẩm quyền;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị đến 50.000.000 đồng;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả vi phạm quy định tại các điểm a, b, c, đ, e, g, h, i, k, l và m khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 1.000.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng Giấy phép môi trường có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này”.

[32] Thấy rằng, Chủ tịch UBND thành phố S được giao thẩm quyền xử phạt mức phạt tiền đến 50.000.000đ, tuy nhiên Quyết định số 70/QĐ-UBND ngày 12/6/2018 nêu trên đã ban hành quyết định xử phạt đối với hành vi vi phạm của chủ Cơ sở gia công Hột vẹt muối Ánh N là bà Lê Thị Ánh N mức phạt 60.000.000 đồng là vượt quá thẩm quyền theo quy định tại Khoản 2 Điều 38 của Luật xử lý vi phạm hành chính và Khoản 2 Điều 48 Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18-11-2016 của Chính phủ. Thẩm quyền ra quyết định xử phạt trong trường hợp này thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh S. Lẽ ra, Công an thành phố S phải báo cáo đề xuất và chuyển hồ sơ đến Chủ tịch UBND tỉnh S để xem xét ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo đúng quy định tại khoản 3 Điều 38 của Luật xử lý vi phạm hành chính và Khoản 3 Điều 48 Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18-11-2016 của Chính phủ. Việc người bị kiện cho rằng Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố S ban hành quyết định xử phạt bà N với mức phạt 60.000.000đ là đúng theo quy định tại Điều 52 Luật xử lý vi phạm hành chính, trình bày của người bị kiện là không có căn cứ chấp nhận vì theo quy định tại Điều 52 Luật xử lý vi phạm hành chính thì việc áp dụng mức xử phạt gấp 2 lần thẩm quyền xử phạt cá nhân được áp dụng đối với xử phạt tổ chức, áp dụng đối với Thành phố trực thuộc trung ương.

[33] Về hình thức: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 70 nêu trên đã nêu đầy đủ địa danh, ngày, tháng, năm ra quyết định; căn cứ pháp lý để ban hành quyết định; dựa trên nội dung biên bản vi phạm hành chính ngày 06-6-2018; họ, tên, chức vụ của người ra quyết định; họ, tên, địa chỉ, nghề nghiệp của người vi phạm hoặc tên, địa chỉ của tổ chức vi phạm; hành vi vi phạm hành chính; điều, khoản của văn bản pháp luật được áp dụng; hình thức xử phạt chính; quyền khiếu nại, khởi kiện đối với quyết định xử phạt vi phạm hành chính; hiệu lực của quyết định, thời hạn và nơi thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, nơi nộp tiền phạt; họ tên, chữ ký của người ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính; trách

nhiệm thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính và việc cưỡng chế trong trường hợp cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính không tự nguyện chấp hành là đúng theo quy định tại Điều 68 của Luật xử lý vi phạm hành chính.

[34] Từ những nhận định, phân tích trên cho thấy việc ban hành Quyết định số 70/QĐ-XPVPHC ngày 12-6-2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố S, về xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Lê Thị Ánh N, là chưa đảm bảo về thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Do đó, bà Lê Thị Ánh N yêu cầu hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính nêu trên của Chủ tịch UBND thành phố S là có cơ sở để chấp nhận.

[35] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ánh N là có căn cứ chấp nhận.

[36] Về án phí hành chính sơ thẩm:

[37] Do yêu cầu của người khởi kiện bà Lê Thị Ánh N được Tòa án chấp nhận, nên người khởi kiện không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Bà N được nhận lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001901 ngày 02-7-2018.

[38] Người bị kiện Chủ tịch UBND thành phố S phải chịu án phí hành chính sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo quy định tại Điều 348 của Luật tổ tụng hành chính và Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 157; khoản 1, khoản 3 Điều 158; khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 194 và Điều 348 của Luật tổ tụng hành chính. Áp dụng Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là Lê Thị Ánh N. Hủy Quyết định số 70/QĐ-XPVPHC ngày 12-6-2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố S, về xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Lê Thị Ánh N.

2/. Về án phí hành chính sơ thẩm:

Người khởi kiện bà Lê Thị Ánh N không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Bà N được nhận lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001901 ngày 02-7-2018.

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố S phải chịu án phí hành chính sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm. Riêng đối với người vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo nêu trên được tính từ ngày nhận được bản án này hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Sóc Trăng;
- UBND tỉnh S;
- Lưu (Hồ sơ VA, Tòa HC).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Tăng Thị Thúy Nga